

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-PT.

Ngày 10 - 02 - 2022.

V/v tranh chấp “quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc.

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT - DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2022/QĐ – PT ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1935 (có mặt).

Địa chỉ: Số 279/20, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Lai Thế M**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Số 287/20, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Cao Kim T1**, sinh năm 1975 (có mặt).
2. Anh **Cao Minh D**, sinh năm 1978 (vắng mặt).
3. Chị **Cao Kim T2**, sinh năm 1971 (có mặt).
4. Chị **Cao Kim T3**, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 279/20, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Số 287/20, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà **Trần Thị T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Thửa số 528, tờ bản đồ số 6, diện tích 26,1m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T ngày 27/5/2009. Giáp ranh đất của bà là đất của ông Lai Thế M thửa số 529, tờ bản đồ số 6, diện tích 305,8m², loại đất lúa. Trong quá trình sử dụng trước đây giữa đất của bà T và đất của ông M có trụ ranh, nhưng sau này do làm lộ nên không còn trụ ranh nữa. Đến năm 2017 ông M xây dựng hàng rào lưới B40, trụ bê tông lấn qua đất của bà T chiều ngang khoảng 03m, chiều dài khoảng 4,5m, tổng cộng là 13,5m². Khi ông M xây dựng hàng rào thì bà T đã biết ông M lấn qua đất của bà, lúc đó bà T yêu cầu ông M trả cho bà số tiền tương đương với phần đất ông M lấn chiếm là 500.000đ nhưng ông M không đồng ý.

Qua kết quả kết quả đo đạc, khảo sát được thể hiện tại trích đo ngày 23/7/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L xác định phần đất tranh chấp giữa hai bên là 4,6m². Bà Tê thống nhất kết quả này. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ngày 08/4/2021 nguyên đơn thống nhất, trên đất không có cây trồng.

Nay bà Trần Thị T yêu cầu ông Lai Thế M trả phần đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc là 4,6m², thuộc thửa đất số 529, tờ bản đồ số 6, đất do ông Lai Thế M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Lai Thế M trình bày:*

Phần đất thửa số 529, tờ bản đồ số 6, diện tích 305,8m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M ngày 05/6/2009. Giáp ranh với đất của ông M là đất của bà Trần Thị T thửa số 528, tờ bản đồ số 6, diện tích 26,1m². Giữa đất của ông M và đất của bà T đều có trụ ranh, sau khi làm lộ thì vẫn còn trụ ranh. Năm 2017 ông M đã xây dựng hàng rào bê tông lưới B40, ông M có kêu con bà T là anh Cao Minh D ra chỉ ranh và anh D đã thống nhất ranh nên ông M đã xây dựng hàng rào theo ranh đất mà anh D đã chỉ cho ông. Lúc đó bà T không nói ông M lấn ranh nhưng nói không biết ông M có xây hàng rào lấn qua đất bà không, nên yêu cầu ông M đưa cho bà vài trăm nghìn để ăn trầu ông M cũng đồng ý nhưng ông quên không nhớ có đưa tiền cho bà T hay không.

Qua kết quả đo đạc, khảo sát được thể hiện tại trích đo ngày 23/7/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L xác định phần đất tranh chấp giữa hai bên là 4,6m². Ông M thống nhất kết quả này. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ngày 08/4/2021 ông M thống nhất. Trên đất không có cây trồng mà có hàng rào bê tông cốt thép của ông M.

Nay ông Lai Thế M không đồng ý theo yêu cầu bà Trần Thị T, ông yêu cầu công nhận phần đất 4,6m² cho ông, thuộc thửa 529, đất do ông Lai Thế M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Cao Kim T1, anh Cao Minh D, chị Cao Kim T2, chị Cao Kim T3 trình bày: Chị T1, anh D, chị T2, chị T3 là con của bà T, thống nhất theo yêu cầu của bà T, yêu cầu ông Lai Thế M trả phần đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc là 4,6m thuộc thửa đất số 529, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho bà T.

2/ Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là vợ của ông M, bà thống nhất theo ý kiến của ông M, bà yêu cầu công nhận phần đất 4,6m² cho ông M, đất do ông Lai Thế M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long, quyết định:*

Căn cứ các khoản 9 Điều 26, 35, 39, 147, 156, 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, 175 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 100, 166, 170 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm lệ phí Tòa án. Xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lai Thế M trả lại phần đất tranh chấp thửa 259 -2 diện tích 4,6m² cho nguyên đơn.

2. Công nhận phần đất thửa 529-2, tờ bản đồ số 6, diện tích tranh chấp theo kết quả trích đo là 4,6m² trên đất có hàng rào bê tông cốt thép lưới B40 diện tích 5,625m² cho ông Lai Thế M tiếp tục được quyền sử dụng đất, đất do ông Lai Thế M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, phần đất có kích thước các mốc như sau: 6, 7, 9, 10, 6 (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/11/2021 nguyên đơn bà Trần Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm khảo sát, đo đạc lại diện tích đất tranh chấp, nếu không khảo sát, đo đạc lại diện tích tranh chấp thì nguyên đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ lại phần đất tranh chấp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp thửa 529, tờ bản đồ số 6 theo kết quả trích đo là 4,6m², đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị T rút kháng cáo đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm khảo sát đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp. Bà T chỉ còn giữ nguyên kháng cáo đối với yêu cầu ông M trả bà T diện tích đất 4,6m² thuộc thửa 529.

Bị đơn ông Lai Thế M không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị T1, chị T2 và chị T3 thống nhất với ý kiến của bà T.

Bà N thống nhất với ý kiến của ông M.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữa nguyên bản án sơ thẩm. Nguyên đơn được miễn án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:*

Tòa án sơ thẩm xét xử tuyên án vào ngày 16/11/2021 và ngày 26/11/2021 nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn kháng cáo. Kháng cáo của bà T còn trong thời hạn luật định và bà T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên kháng cáo của bà T được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bà T rút kháng cáo đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm khảo sát đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp. Xét thấy việc rút kháng cáo của bà T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289 và Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc bà T yêu cầu khảo sát đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp.

[2] Xét phần đất tranh chấp bà Trần Thị T cho rằng trước đây thuộc thửa đất 528, tờ bản đồ số 6, diện tích 26,1m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long sau khi làm lộ thì các trụ ranh giáp với thửa đất 529 của ông Lai Thế M không còn nữa. Còn phía bị đơn thì cho rằng sau khi làm lộ các trụ ranh vẫn còn và khi xây dựng hàng rào bê tông lưới B40 và có kê phía nguyên đơn ra để chỉ ranh xây dựng.

Theo kết quả khảo sát đo đạc được thể hiện tại trích đo ngày 23/7/2021 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L và công văn số phúc đáp số: 1444/UBND ngày 28/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện L xác định phần đất tranh chấp diện tích 4,6m² thuộc thửa 529 do ông Lai Thế M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên: Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 73/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà T là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bà T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát đo đạc và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 156, 157, 289, 293 và 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 và 175 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 100, 166 và 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu cầu ông Lai Thế M trả lại phần đất tranh chấp 259 -2 diện tích 4,6m² cho nguyên đơn.

2. Công nhận phần đất thửa 529-2, tờ bản đồ số 6, diện tích 4,6m² trên đất có hàng rào bê tông cốt thép lưới B40 diện tích 5,625m² cho ông Lai Thế M tiếp tục được quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, đất do ông Lai Thế M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, phần đất có vị trí giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc: 6, 7, 9, 10, 6 (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L cung cấp đề ngày 23/7/2021).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị T.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát đo đạc và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND huyện L: 01b;
- Chi cục THADS huyện L: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường